

Ngũ Uẩn Thí Dụ Kinh

Số 105

Đời Hậu Hán (25 - 420), Tỳ-Kheo An Thế Cao dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán .

Ngày 08/10/2011 B.S. Trần Văn Nghĩa dịch từ chữ Hán ra chữ Việt.

Ngũ Uẩn Thí Dụ Kinh

Đời Hậu Hán, Tam tạng dịch kinh sư, người nước An Tức (1), An Thế Cao (2) dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Tôi nghe như vậy, có một thời, Đức Phật đến thăm nước Mị Thắng.

Khi đi qua sông ngài thấy một đám bọt nước to tụ lại trôi theo dòng sông, ngài bèn nói với các tỳ kheo rằng : Chư Tỳ Kheo, đám bọt nước to tụ lại trôi theo dòng sông này , cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét thì biết đám bọt nước này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tán một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì bọt nước này không kiên cố. Cũng như vậy, các tỳ kheo à, tất cả các sắc (3) mà ta thấy trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần, nếu các tỳ kheo nhận xét kỹ càng thì sẽ thấy sắc là không hằng hữu, là hư vô và không thực, là bệnh , là kết (4), là sang (5), là giả tạo, nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân (6), nó tiêu tan một cách nhanh chóng. Vì sao vậy ? Vì bản tính của sắc là không bền vững.

Chư Tỳ Kheo, lại như mưa tạo ra những bong bóng nước, những bong bóng này sinh sinh diệt diệt. Cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét thì biết những bong bóng nước này không hằng hữu, là hư vô, không thực và tiêu tan một cách nhanh chóng. Vì sao vậy, vì những bong bóng nước này không kiên cố. Chư Tỳ kheo à, cũng như vậy, tất

cả những thống khổ (7) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần, nếu các tỳ kheo, xem xét kỹ càng thì sẽ thấy thống khổ này không hằng hữu, là hư vô và không thực, là bệnh, là kết, là giả tạo, là sang, nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng. Vì sao vậy ? Vì cái bản tính của thống khổ là không bền vững.

Các Tỳ-kheo, lại như mùa hè nóng bức, ánh nắng mặt trời đang lúc giữa trưa, cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét, thì biết nóng bức này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tán một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì nóng bức này không kiên cố. Các Tỳ kheo à, cũng như vậy các ý tưởng (8) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần, các tỳ kheo nếu xem xét và suy nghĩ kỹ càng thì sẽ thấy ý tưởng của chúng ta không hằng hữu, là hư vô và không thực, là dâm ô , là kết, là sang, là giả tạo, nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng. Vì sao vậy ? Vì cái bản tính của ý tưởng là không bền vững.

Các Tỳ kheo, lại như một người vào rừng tìm gỗ tốt, thấy một cây chuối to đẹp thật thẳng , bèn đốn cây xuống, cắt ngọn và lá đi , bóc từng lớp lớp vỏ đi để tìm gỗ tốt, nhưng tìm không thấy cái lõi cứng chắc của cây đâu cả. Cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét, thì biết cây chuối này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tán một cách nhanh chóng. Vì sao vậy ? Vì cây chuối không có gì bền vững cả. Các tỳ kheo à, cũng như vậy tất cả các hành động (9) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần. Các tỳ kheo nếu xem xét và suy nghĩ kỹ càng thì sẽ thấy hành động của chúng ta không hằng hữu, là hư vô và không thực, là dâm ô , là kết, là sang, là giả tạo. Nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng. Vì sao vậy ? Vì cái bản tính của hành động là không bền vững.

Các tỳ-kheo, Lại như một thầy làm ảo thuật và những đệ tử ở một ngã tư đường biểu diễn ảo thuật cho công chúng xem, làm nhiều màn ảo thuật nào là đàn voi đi, đàn ngựa chạy... Cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét, thì biết những ảo thuật này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và vô hình tiêu tán một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì những ảo thuật này không bền vững. Nay các tỳ kheo, cũng như vậy tất cả các tâm thức (10) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần, nếu các tỳ kheo xem xét và suy nghĩ kỹ càng thì sẽ thấy tâm thức này không hằng hữu, là hư vô và không thực, là dâm ô , là kết, là sang, là giả tạo. Nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì bản tính của tâm thức là không bền vững.

Sau đó Đức Phật nói bài kệ (11) dưới đây (dịch nghĩa bằng văn xuôi) :

Sắc như bọt nước tán tụ , thống khổ sinh diệt như bong bóng nước , ý tưởng như cái nóng của mùa hè, hành động trống rỗng như thân cây chuối, ý thức như những ảo thuật, chư Phật nói như vậy. Hãy xem xét , tư duy một cách kỹ càng những yếu chỉ này. Quả thật tất cả là hư không , thấy tất cả các điều là vô thường , tất cả các uẩn là như vậy. Những bậc đại trí nói rằng : Khi ta đã đoạn tuyệt được với tam sự (12) , thì biết cái thân này không có giá trị gì cả. Thân mệnh này đang âm áp đây, khoảnh khắc chết đi bỏ lại thân xác này, thân xác này nằm ở dưới đất, như cỏ cây còn biết gì đâu, xem hình hài như vậy, còn mang những ảo vọng về tham lam ngu si gì nữa ? Để làm lòng ta áy náy bất an, tất cả đâu có gì là bền vững đâu ? Biết ngũ uẩn là như vậy, chư tỳ kheo hãy chuyên cần, nên ngày đêm tự giác (13) suy niệm những chánh trí, thọ hành đạo tịch diệt (14), theo đuổi cái niềm tối an lạc.

Sau đó Đức Phật nói bài kệ dưới đây (dịch nghĩa bằng thơ lục bát) :

Sắc như bọt nước hợp tan ,

thống như bong bóng nước tàn lại sinh ,
ý như hè nóng vô hình,
hành như cây chuối thân mình trống không,
thức là ảo thuật hư không,

Chư Phật nói vậy sai không tí gì.

Hãy đem tôn chỉ này suy,
trầm tư mặc tưởng tư duy cho tường.

Quả thật vạn sự vô thường,
hư không bản tính có chừa gì đâu,
ngũ âm không, có, một màu.

Những người chân trí từ lâu nói rằng :

Bỏ đi tam sự thấy ngay,
Thân tàn nằm đó đấng chấng một hào ?
Đang đầy sức sống chan hòa,
chỉ trong giây phút đã vào thiên thu,
xác khô dưới đất nấm mồ,
vô tri vô giác cỏ khô cây tàn.

Ngắm nhìn thân xác phũ phàng
Còn mang ảo mộng si tham làm gì.

Tâm hồn an lạc mất đi,

Đời này đâu có cái gì bền đâu ?

Ngũ uẩn hư ảo từ lâu,

Thiền môn tứ chúng (15) hãy luôn chuyên cần

Ngày đêm suy niệm tâm thân,

Tự giác chánh trí luôn gần tâm can

Thọ hành đại đạo Nê hoàn (14),

Vui niềm an lạc hân hoan cõi thiên.

Đức Phật giảng như vậy , các tỳ kheo nghe xong vô cùng hoan hỷ.

Ngũ Uẩn Thí Dụ Kinh.

1-) Nước An Tức安息國: Tên phiên âm của nước Ashkanian (247BC - 224AD), sau nước này lại gọi là Parthia , sau lại đổi tên là Persia, Hán văn phiên âm là Ba Tư波斯 , nay là nước Iran.

2-) An Thế Cao安世高 : Thầy còn có tên là An Thanh安清, người nước An Tức. Thầy là hoàng tử của nước An Tức. Bỏ ngai vua cho người chú và đi tu. Thầy đến Lạc Dương, Trung Quốc vào đời Nhà Đông Hán (25-220), dưới thời vua Hán Hằng Đế 漢桓帝(147-167) làm dịch kinh sư. Tiểu sử và số kinh thầy dịch từ chữ Phạn qua chữ Hán có ghi lại trong những sách sau đây : Cao Tăng Truyện高僧传 quyển I, Chúng Kinh Mục Lục 众经目录 ghi số kinh dịch là 41 quyển , Xuất Tam Tạng Ký Tập 出三藏记集 ghi số kinh dịch là 40 quyển, Lịch Đại Tam Bảo Ký 历代三宝记 ghi số kinh dịch là 176 quyển, Khai Nguyên Thích Giáo Lục 开元释教录 ghi số kinh dịch là 95 quyển. Hiện nay còn lại là 26 quyển. Thầy ở lại Trung Quốc hơn 20 năm và mất tại Tô Châu.

3-) Sắc uẩn色蘊 : Là một trong ngũ uẩn. Chữ uẩn tiếng Phạn là Skandha nghĩa tích tụ, vì vậy được dịch sang Hán văn là uẩn, uẩn là chữ tắt của chữ uẩn tàng蘊藏 nghĩa là tích tụ và tàng trữ. Thời nhà Hán thì dịch là ngũ âm五陰, chính

trong bài kinh nay dùng chữ ngũ âm. Âm theo quan niệm của Đạo giáo có nghĩa là tàng trữ, nên thường dùng " Dương diệu âm tàng 陽曜陰藏 ". Đại Thừa Nghĩa chương 8 viết : tích tụ gọi là âm. (Đại Thừa Nghĩa chương 8 bốn viết : Tích tụ danh âm. 大乘義章八本曰 : " 積聚名陰..."). Đến đời nhà Tấn, một số kinh lại dịch là ngũ chúng 五衆. Đến đời nhà Đường thì thống nhất dịch là ngũ uẩn. Đôi khi lại dịch là ngũ tắc kiện đà 五塞犍陀 là tiếng phiên âm của chữ Phạn Skandha. Sắc uẩn tiếng Phạn là rupa, tiếng Anh dịch là form.

Sự tạo thành của sắc uẩn : Tất cả những gì chúng ta nhìn thấy gọi là sắc trần, mắt của chúng ta gọi là nhãn căn, đây là căn cứ địa để tiếp nhận những hình ảnh từ bên ngoài vào, hình ảnh này sau đó được đưa vào trong óc, tạo thành một hình ảnh trong óc gọi là nhãn thức. Tâm thức (mind) của chúng ta sẽ dùng cái hình ảnh này để làm những việc cần thiết hay hoàn toàn không dùng hình ảnh này, sau đó hình ảnh này được cất đi vào kho dự trữ gọi là sắc uẩn, kho này nằm trong A-lại da thức alayavijnana của chúng ta.

4-) Kết 結 : Kết là cái thắt nút (Knot), trói buộc. Trong các kinh, chữ kết đồng nghĩa với chữ phiền não. Theo Kinh Tam Tạng Pháp Số chương 24 : Kết có nghĩa là trói buộc, là chúng sinh vì phiền não, vọng tưởng, mê hoặc làm những ác nghiệp, bị những đau khổ trói buộc, luân chuyển trong tam giới không thể thoát ra được, nên gọi là kết. (Tam Tạng Pháp Số nhị thập tứ viết : " Kết tức hệ phục chi nghĩa, vì chúng sinh nhân phiền não vọng hoặc tạo chư ác nghiệp, nhi vì hệ phục, lưu chuyển tam giới bất năng xuất ly, cố vân kết da 三藏法數二十四曰 : 結即繫縛之義。謂眾生因煩惱妄惑造諸惡業。而為眾苦繫縛。流轉三界不能出離。故云結也。)

Năm loại phiền não 五種煩惱 chữ Phạn là Klesa đó là : tham 貪, sân 瞋, si 痴, mạn 慢, nghi 疑. Phiền não còn có một tên khác gọi là tùy miên 隨眠 (latent tendency). Tùy 隨 là theo sát như bóng với hình. Miên 眠 là ngủ yên. Tùy miên có nghĩa là những ác tính này tiềm phục trong tâm thức của con người, đợi khi có ngoại cảnh kích thích, theo luật của thập nhị nhân duyên, nó sẽ nổi dậy thúc đẩy con người làm việc xấu. Vì vậy tham còn gọi là tham tùy miên, sân còn gọi là sân tùy miên.... Theo Câu xá Luận 俱舍論 thì có sáu loại tùy miên : 1-) tham 貪 : Tham về ngũ dục : sắc, thanh, hương, vị, xúc. Trong 華嚴大疏抄 27章 Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao chương 27 thì lại kể ngũ dục là : Tài dục, sắc dục, thực dục, danh dục,

miên (ngủ nghỉ) dục. 2-) Sân瞋Chữ Phạn là Krodha, nóng giận. 3-) Mạn慢 : ăn hiếp, lấn áp người khác. 4-) Vô minh 無明, còn gọi là si痴. Theo Câu Xá Luận chương bốn : cái mà gọi là si, hay là ngu si, chính là vô minh. (Câu Xá Luận tứ viết : Si giả, sở vị ngu si, si tức thị vô minh. 俱舍論四曰 : 痴者, 所謂愚痴, 即是無明.). Tiếng Phạn là avidya, không hiểu, không chấp nhận Tứ Diệu Đế. 5-) Kiến見chữ kiến ở đây có nghĩa là ngã kiến我見 hay ngã chấp我執, tiếng Pali là Sakkaya-Ditthi : Tin rằng linh hồn của con người tồn tại mãi mãi ở một dạng vĩnh viễn không thay đổi. 6-) Nghi 疑 chữ Phạn là vicikitsa, do dự, nghi ngờ và khinh bỉ Tam Bảo.

5-) sang 瘡: nghĩa thường là mụn nhọt nhưng trong kinh Phật thì dùng với nghĩa khác : Cửu sang九瘡 hay cửu không chỉ chín lỗ của cơ thể con người : Tai, mắt, mũi, miệng, đường đại tiểu tiện. Tu Di Tạng Kinh viết : ...Ở cửu sang môn , xuất nhập vắng lai... (Tu Di Tạng Kinh viết :ở cửu sang môn , xuất nhập vắng lai. 須彌藏經曰 : ...於九瘡門, 出入往來) . Nếu chỉ dùng chữ sang瘡 một mình thì thường chỉ đường đại tiểu tiện, ở câu kinh này chỉ nơi không sạch sẽ .

6-) Phi Thân非身 : Tiếng Phạn là anatman, nghĩa là vô ngã, tiếng Anh là non-self. Theo quan niệm của đạo Phật thì ý tưởng về sự hiện hữu của linh hồn hay là Ngã của con người không có thật. Thực ra chỉ có một dòng tâm thức luôn luôn thay đổi biến thiên không ngừng. Vì vậy không có một linh hồn vĩnh cửu như quan niệm của các tôn giáo khác.

Phi-thân là một trong chín điều gọi là cửu tuyệt. Theo Phật Giáo Đại Thừa thì con người không hiểu được Tứ Diệu Đế, trầm luân trong luân hồi bể khổ vì hoặc nghiệp là vì chín điều xấu trong chúng ta gọi là cửu phẩm九品 : 1) Si痴, 2) ái愛, 3) tham貪, 4) khuê恚, 5) hoặc惑, 6) thọ受 , 7) canh更, ở đây có nghĩa là xúc觸 tiếng Phạn là sparsa, Anh văn dịch là contact, nhân duyên thứ 6 trong thập nhị nhân duyên, 8) pháp法, 9) sắc色. Để trị chín điều xấu nay, thì phải dùng chín pháp môn gọi là cửu tuyệt九絕 : 1) chỉ止, 2) quan觀, 3) bất tham不貪, 4) bất khuê不恚, 5) bất si不痴, 6) phi thường非常, 7) vi khổ為苦, 8) phi thân非身, 9) Bất tịnh不淨.

7-) Thống uẩn痛陰 : Trong bài kinh Hán văn viết là thống âm. Thí dụ bong bóng nước mưa và thống uẩn còn thấy trong bài kinh số 106 Thủy Mạt Sở Phiêu Kinh. Trong tự điển không có chữ thống uẩn. Điện tử Phật Giáo Từ Điển 電子佛教辭典 của Nhật thì giải thích thí dụ bong bóng nước mưa là thọ uẩn受蘊vedana Skandha. Thọ uẩn là những cảm giác do mắt, tai, mũi, thiệt, xúc

giác, ý niệm đưa đến. Có ba loại cảm giác : Lạc thọ 乐受 cảm giác vui vẻ, khổ thọ 苦受 cảm giác đau buồn, xả thọ 捨受 cảm giác không vui không buồn . Mỗi một loại cảm giác này lại chia làm hai loại : 1-) Hữu vật nhiễm 有物染 (bodily feeling) : Cảm giác liên quan đến thể xác. 2-) vô vật nhiễm 无物染 (mentally feeling) : Cảm giác liên quan đến tinh thần. Như vậy là có sáu loại thọ uẩn. Từ những cảm giác này đưa đến thương, ghét, oán hận....

8-) Tưởng uẩn 想蘊 : Tiếng Phạn là sanna skandha, Anh văn dịch là perception. Có sáu loại tưởng uẩn : Sắc tưởng 色想, thanh tưởng 聲想, hương tưởng 香想, vị tưởng 味想, sở xúc tưởng 所觸想, pháp tưởng 法想.

9-) Hành Uẩn 行蘊 : Tiếng Phạn là samskara skandha, tiếng Anh dịch là formation. Tất cả những hoạt động và động tác của thân, khẩu, ý đều tạo thành hành uẩn. Cũng được chia làm sáu loại. Tên của 6 hành uẩn không tìm thấy trong Hán văn. Tên Anh văn là : 1-) meritorious formation, 2-) demeritorious formation, 3-) imperturbable formation 4-) mental formation. 5-) Verbal formation. 6-) bodily formation. (Tham khảo ý kiến B.S. Nguyễn Trần Hàn)

10-) Thức Uẩn : Tiếng Phạn là vinnana skandha, tiếng Anh dịch là consciousness. Lục căn mỗi căn tạo ra một thức đó là : 1-) Nhãn thức, 2-) nhĩ thức, 3-) tị thức, 4-) thiệt thức, 5-) thân thức do xúc giác tạo ra, 6-) Ý thức, còn gọi là a-lê-da-thức 阿梨耶識 phiên âm từ tiếng Phạn mano-vijnana, tiếng Anh là mano - consciousness (mind -consciousness element) do ý căn 意根 tạo nên. Ý căn trong tiếng Phạn gọi là Hrd hay Hridaya, nghĩa là trái tim bằng thịt, vì vậy Hán văn đã dịch nghĩa là Nhục đoàn tâm 肉團心, hay phiên âm là hãn-tê-thái 汗栗太, theo sự hiểu biết của người xưa trái tim là nơi tiếp nhận những ý tưởng từ bên ngoài vào hay từ trong sinh ra, nay chúng ta biết nơi tiếp nhận những ý tưởng đó là hệ thần kinh chứ không phải là trái tim, vì vậy mặc dù trong các kinh gọi là tim, chúng ta phải hiểu là hệ thần kinh. 7-) mạn na thức 末那識 : Tiếng Phạn là mana vijnana, tiếng Anh là manas consciousness, 8-) A lại da thức 阿賴耶識 tiếng Phạn là alaya vijnana. , tiếng Anh là alaya consciousness, là kho tồn trữ của các thức, tiếng Anh là storage consciousness.

11-) Kê 偈 : Là chữ viết tắt của chữ kê-tha 偈他, chữ phiên âm của chữ Phạn gatha. Chữ này được dịch nghĩa qua Hán văn là : Tụng 頌 nghĩa là tán tụng, ca

tụng. Chữ gatha còn được phiên âm qua Hán văn là ca-đà tụng 伽陀頌, trong những kinh điển khác nhau. Gatha có nghĩa là thơ, bài ca trong chữ Phạn, đó là những bài thơ dùng để tán tụng, ca ngợi công đức của chư Phật, chư thánh...hay dùng để tóm tắt những giáo lý để dễ nhớ. Số chữ của những câu kệ thường có thể từ 3 cho đến 7 chữ, có thể nhiều hơn 7 chữ nhưng rất hiếm thấy. Số câu của bài kệ có thể là 4 câu, 8 câu, hay có thể rất nhiều câu. Những bài kệ khi dịch qua Hán văn, nếu là 4 hay 8 câu thì thường dùng thể thơ Đường luật dịch, những bài kệ dài hơn 8 câu thì thường được dịch bằng thể thơ lục-phủ 樂府 hay cổ-phong 古風. Trên nguyên tắc tất cả các thể thơ trong Hán văn đều có thể dùng để dịch các bài kệ, nhưng tôi chưa thấy bài kệ nào viết bằng thể phú 賦 hay thể từ 詞 ca. Gieo vần trong những bài kệ của Hán văn rất lỏng lẻo, có những bài gần như không gieo vần. Điều này cũng dễ hiểu vì dịch những bài kệ từ chữ Phạn qua Hán văn, phải giữ đúng ý của nguyên tác, không được thêm một ý mới nào của mình vào, vì vậy rất khó mà gieo vần cho đúng ý. Nên những bài kệ trong Hán văn cố trung thực với ý của bài kệ của tiếng Phạn, cố giữ số chữ trong mỗi câu như nhau, còn âm vận giữ được thì giữ không giữ được thì thôi. Kệ từ Hán văn dịch sang tiếng Việt thường dưới dạng thơ lục bát, song thất lục bát, Đường luật bát cú hay tứ tuyệt, chưa thấy dùng những thể thơ hát-nói hay thơ mới. Âm vận của những bài kệ trong Việt văn được tôn trọng kỹ hơn.

Geya phiên âm ra Hán văn là 祇夜 kỳ-dạ, đây là những bài kệ đi theo sau một bài kinh, tóm tắt những ý chính của bài kinh. Hán văn còn dịch nghĩa là ứng-tụng 應頌 : Có nghĩa là hưởng ứng lại bài kinh hay trùng tụng 重頌 : Trùng là chữ tắt của chữ trùng phục nghĩa lập lại, lập lại ý của bài kinh.

Cô khởi tụng 孤起頌, còn gọi là phúng tụng 諷頌 hay trực tụng 直頌: là những bài kệ đơn độc một mình, không đi theo sau những bài kinh nào cả. Nếu là bài 8 câu mỗi câu 4 chữ thì còn gọi là A-nậu-đô-bà tụng 阿耨都婆頌 không rõ chữ này phiên âm từ chữ Phạn nào ra.

Sloka Hán văn phiên âm là thất-lu-gia 室廬迦 hay thủ-lu-gia 首盧伽, Là những bài kệ viết dưới dạng thơ của chữ Phạn gồm 8 câu, mỗi câu 4 chữ.

Kệ Huấn 偈訓: Đó là những bài kệ mà nội dung gồm những lời giáo huấn. Kệ tụng 偈頌 : Là những bài kệ mà nội dung gồm những lời tán tụng.

12-) Tam Sự 三事 : có thể chỉ nhiều cặp gồm ba chuyện khác nhau trong đạo Phật như " tham, sân, si ", " thân, ý, khẩu ", " Công đức, trí tuệ, thiên định "... Ở đây có lẽ là chỉ tám vọng tưởng 八妄想 asta vikalpa được chia làm 3 nhóm gọi là tam sự .

Nhóm I : 1-) Tự tính vọng tưởng 自性妄想, svabhava vikalpa, the discrimination of self nature 2-) Sai biệt vọng tưởng 差別妄想, the discrimination of differentiation. 3-) Nghiếp thọ tích tụ vọng tưởng 攝受積聚妄想: Vọng tưởng tất cả những cảnh ngộ, chúng sinh do ngũ uẩn tạo thành. the discrimination of general attachments. Nhóm II : 1-) Ngã kiến vọng tưởng 我見妄想 yukti vikalpa : vọng tưởng về tất cả cái ta, the discrimination of " I ". 2-) Ngã sở vọng tưởng : vọng tưởng về tất cả những gì mình sở hữu 我所妄想, the discrimination of " mine ". Nhóm III : 1-) Niệm vọng tưởng 念妄想: Vọng tưởng về tất cả những gì mình yêu thích. the discrimination of attractive. 2-) Bất niệm vọng tưởng 不念妄想: Vọng tưởng về tất cả những gì mình không thích. the discrimination of unattractive. 3-) Niệm bất niệm câu tương vi vọng tưởng 念不念俱相違妄想 : vọng tưởng về những điều khác biệt giữa những điều mình thích và không thích. the discrimination of the attractive and unattractive as different from each other.

Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, vọng tưởng được chia làm 12 loại, chia làm ba lãnh vực mỗi lãnh vực có bốn loại vọng tưởng . Bốn loại vọng tưởng đó là 1-) Vô thường (anica, impermanent) tin là thường (permanent). 2-) Đau khổ (dukkha, painful) tin là sung sướng. 3-) vô ngã (anatta, non self) tin là hữu ngã. 4-) bất tịnh (asubha, impure, ugly) tin là thanh tịnh và đẹp.

Ba lãnh vực đó là : 1-) Nhận thức (sanna-vipallasa, perception), 2-) Tâm thức (citta, consciousness), 3-) Quan điểm (ditthi, view)

Tiếng Anh trước đây đã dịch vọng tưởng là delusion, delusion là một triệu chứng của tâm bệnh nặng như chứng tâm thần phân liệt (schizophrenia), chúng ta tất cả đều có vọng tưởng nhưng chúng ta đâu có bệnh tâm trí đâu? Vì vậy nay được dịch là distortion. (Tham khảo ý kiến B.S. Nguyễn Trần Hàn)

13-) Tự giác 自覺 : Chữ giác tiếng Phạn là bodhi, tiếng Anh dịch là enlightenment. Theo đạo Phật Đại Thừa thì có bốn loại giác ngộ : 1-) Tự giác 自覺 : Giác ngộ cho mình (savaka-bodhi, enlightenment for self) : Như chư A la hán. 2-) Giác tha 覺他: giác ngộ những người khác (to enlighten others), Có khả năng giúp người khác giác ngộ, đó là chư bồ tát đã tự giác và có khả năng giác tha. 3-) Giác hành cùng mãn 覺行窮滿 hay giác hành viên mãn 覺行圓滿 , hay gọi tắt là giác mãn 覺滿, tiếng Phạn là sammāsambodhi, tiếng Anh dịch là perfect enlightenment : Đây là loại giác ngộ tối cao, chỉ có chư Phật có mà thôi. 4-) Độc giác 獨覺 pacceka-bodhi: Tự mình tu tập đạt đến giác ngộ, ở nơi không có đạo pháp của chư Phật, những vị này sẽ thành Tích Chi Phật 辟支佛 pratyekabuddha .

Anh văn dịch là self enlightened one. Độc giác còn gọi là緣覺duyên giác, Anh văn dịch là enlightened by contemplation on dependent arising. Theo Đạo Phật Nguyên Thủy thì chỉ có ba loại giác ngộ, không có giác-tha覺他.

Những giai đoạn của giác ngộ : Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận大乘起信論 thì giác ngộ gồm có bốn giai đoạn gọi là反流四位Phản lưu tứ vị, phản có nghĩa là đi ngược lại, lưu là dòng sông sanh tử, vòng luân hồi, tứ vị là bốn giai đoạn. Bốn giai đoạn giác ngộ để ra khỏi vòng luân hồi, để thành bồ tát.

Bốn giai đoạn này cũng hơi khác nhau tùy theo kinh sách, có sách nói là : 1-) Bất giác, 2-) Tương tự giác, 3-) Tùy phân giác, 4-) Cứu cảnh giác.

Sách khác lại nói là : 1-) Bản giác, 2-) Tương tự giác, 3-) Tùy phân giác, 4-) Cứu cảnh giác.

Bản giác本覺(innate or intrinsic enlightenment) : Tất cả chúng sinh đều có một khả năng giác ngộ bẩm sinh, đó chính là Phật tính (Buddha nature).

Bất giác不覺 (nonenlightenment) : Đây là tình trạng chung của những người phạm vì nghiệp chướng, vì vọng tưởng nên đã không thể chuyển (activate) bản giác của mình qua những giác ngộ cao hơn.

Thủy giác始覺(original enlightenment) : Tất cả chúng sinh nhờ có bản giác, nhờ công đức của mình, nhờ thiện duyên, nhờ sự tu tập, giáo hóa của Tam Bảo, từ từ có được tứ đức : Thường常, lạc樂, ngã我, tịnh淨, và bắt đầu giác ngộ, biến bản giác của mình thành thủy giác.

Tương tự giác相似覺 (enlightenment in appearance) : Đây là trạng thái giữa giác ngộ và chưa giác ngộ, nhưng đã bỏ được những chấp執 (như ngã chấp, pháp chấp...) và trừ 著(những điều xấu mang theo như tham, sân, si....).

Tùy phân giác 隨分覺 (partial or approximate enlightenment): Phân ở đây có nghĩa giây phút, từng phút một hành giả đã đoạn tuyệt được phần nào với vô minh, từng phút một hành giả đã hiểu được phần nào những chân giác, đã bỏ được vọng tưởng.

Cứu cảnh giác究竟覺 (supreme or ultimate enlightenment) : Đó là cái giác ngộ của chư bồ tát khi đắc đạo bồ tát.

Con đường giác ngộ dựa vào sự quan sát về trưởng thành của " lòng giác ngộ " khó cho chúng ta thấy được lúc nào là chúng ta từ giác này thăng cấp lên một giác

ngộ kế tiếp vì vậy để cụ thể hóa những bước tiến trên con đường giác ngộ, đạo Phật Đại Thừa đã đưa ra những điều kiện cần phải hoàn tất để được đi từ cấp này lên một cấp khác. Đạo Phật Đại thừa Phái Duy Thức 唯識派, Yogacara đưa ra 42 cấp, đạo Phật Đại thừa Phái Viên Đốn Tông 圓頓宗 Huayan, Tathagatagarbha đưa ra 52 cấp, gọi là ngũ thập nhị vị 五十二位 (52 stages).

52 cấp đó là : Thập tin 十信, thập trụ 十住, thập hành 十行, thập hồi hướng 十廻向(ten dedications), thập địa 十地, đẳng giác 等覺, diệu giác 妙覺. Phái Duy Thức không có thập tin, nên chỉ có 42 cấp mà thôi.

Phật Giáo Nguyên Thủy thì đưa ra 37 điều cần thiết để đi đến giác ngộ gọi là bodhipakkhiya-dhamma. Đó là : the four foundations of mindfulness, the four right efforts, the four roads to power, the five spiritual faculties, the five spiritual powers, the seven factors of enlightenment, the noble eightfold path.

Tương tự giác là tương đương với cấp tam hiền đã đi qua 30 cấp trong 42 cấp, đã hoàn tất được các cấp thập trụ, thập hành, thập hồi hướng.

Tùy phân giác là tương đương với cấp 40 trong 42 cấp. Đã hoàn tất được các cấp thập địa.

Cứu cảnh giác : cấp 41 là đẳng giác, 42 là diệu giác trong 42 cấp . Sau đó là cứu cánh giác, giác ngộ của chư bồ tát khi đắc đạo.

Đẳng giác 等覺: chữ viết tắt của chữ chánh đẳng giác 正等覺, đồng nghĩa với chữ chánh giác 正覺, tương đương với chữ chánh biến tri 正遍知, tiếng Phạn là abhisambodhi, Anh văn dịch là absolute universal enlightenment . Cấp thứ 41 của phái Duy Thức hay cấp thứ 51 của Phái Viên Đốn Tông

Diệu giác 妙覺, tiếng Phạn là subuddhi, Anh văn dịch là marvelous enlightenment. Cấp thứ 42 của phái Duy Thức hay cấp thứ 52 của Phái Viên Đốn Tông.

14-) Tịch diệt đạo : Là chữ dịch nghĩa của chữ Nirvana có nghĩa là tất cả những tham vọng bị hủy diệt hết (absolute extinction of desire). Nirvana còn được phiên âm qua Hán văn là Niết Bàn 涅槃 hay Nê hoàn 泥洹.

15-) Tứ chúng : là Tăng, ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ.

No. 105 (No. 99(265), No. 106)
No. 105 (No. 99(265), No. 106)

五陰譬喻經

ngũ uẩn Thí dụ kinh

ngũ uẩn Thí dụ kinh

後漢安息三藏安世高譯

Hậu Hán An Tức Tam Tạng An-thế-cao dịch

Đòi Hậu Hán, tam tạng dịch kinh sư, người nước An Tức (1), An Thế Cao (2) dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

聞如是。一時佛遊於摩勝國。

Văn như thị 。 nhất thời Phật du ư mĩ/mị thắng quốc 。

Tôi nghe như vậy, có một thời, Đức Phật đến thăm nước Mị Thắng.

度河津見中大沫聚隨水流。即告比丘言。諸比丘。

độ hà tân kiến trung Đại mạt tụ tùy thủy lưu 。

Khi đi qua sông ngài thấy một đám bọt nước to tụ lại trôi theo dòng sông, ngài bèn nói với các tỳ kheo rằng : Chư Tỳ Khoe,

譬如此大沫聚隨水流。目士見之觀視省察。

thí như thử Đại mạt tụ tùy thủy lưu 。

Đám bọt nước to tụ lại trôi theo dòng sông này , cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét

即知非有虛無不實速消歸盡。所以者何。沫無強故。

tức tri phi hữu hư vô bất thật tốc tiêu quy tận 。

thì biết đám bọt nước này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tan một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì bọt nước này không kiên cố.

如是比丘。一切所色去來現在。

như thị Tỳ-kheo 。

Cũng như vậy, các tỳ kheo à, tất cả các sắc (3)mà ta thấy trong quá khứ, tương lai và hiện tại,

內外麤細好醜遠近比丘。見此當熟省視觀。

nội ngoại thô tế hảo xú viễn cận Tỳ-kheo 。

ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần, nếu các tỳ khoe nhận xét kỹ càng thì sẽ thấy

其不有虛無不實。但病但結但瘡但偽。

kỳ bất hữu hư vô bất thật 。 dẫn bệnh dẫn kết/kiết dẫn sang dẫn nguy 。
sắc là không hằng hữu, là hư vô và không thực, là bệnh , là kết(4), là sang (5), là giả tạo

非真非常為苦為空為非身為消盡。所以者何。

phi chân phi thường vi/vi/vị khổ vi/vi/vị không vi/vi/vị phi thân vi/vi/vị tiêu tận 。 sở dĩ giả hà 。

nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân (6), nó tiêu tan một cách nhanh chóng. Vì sao vậy ?

色之性無有強。譬如比丘天雨滯水一泡適起一泡即滅。

sắc chi tánh vô hữu cường 。 thí như Tỳ-kheo Thiên vũ đế thủy nhất phao thích khởi nhất phao tức diệt 。

Vì bản tính của sắc là không bền vững. Chư Tỳ Kheo, lại như mưa tạo ra những bong bóng nước, những bong bóng này sinh sinh diệt diệt

目士見之觀視省察。

mục sĩ kiến chi quán thị tỉnh sát 。

cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét

即知非有虛無不實速消歸盡。所以者何。泡無強故。如是比丘。

tức tri phi hữu hư vô bất thật tốc tiêu quy tận 。 sở dĩ giả hà 。

phao vô cường cố 。 như thị Tỳ-kheo 。

thì biết những bong bóng nước này không hằng hữu, là hư vô, không thực và tiêu tán một cách nhanh chóng. Vì sao vậy, vì những bong bóng nước này không kiên cố. Chư Tỳ kheo à, cũng như vậy,

一切所痛去來現在。內外麤細好醜遠近。

nhất thiết sở thống khứ lai hiện tại 。 nội ngoại thô tế hảo xú viễn cận 。

tất cả những thống khổ(7) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần,

比丘見知當熟省視觀其不有虛無不實。

Tỳ-kheo kiến tri đương thực tỉnh thị quán kỳ bất hữu hư vô bất thật 。

nếu các tỳ kheo, xem xét kỹ càng thì sẽ thấy thống khổ này không hằng hữu, là hư vô và không thực

但病但結但偽但瘡。

đãn bệnh đãn kết/kiết đãn nguy đãn sang 。

là bệnh, là kếp, là giả tạo, là sang,

非真非常為苦為空為非身為消盡。所以者何。痛之性無有強故。

phi chân phi thường vi/vi/vị khổ vi/vi/vị không vi/vi/vị phi thân vi/vi/vị tiêu tận 。 sở dĩ giả hà 。 thống chi tánh vô hữu cường cố 。 nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì cái bản tính của thống khổ là không bền vững.

譬如比丘季夏盛熱日中之炎。

thí như Tỳ-kheo quý hạ thịnh nhiệt nhật trung chi viêm 。
Các Tỳ-kheo, lại như mùa hè nóng bức, ánh nắng mặt trời đang lúc giữa trưa,

目士見之觀視省察。即知非有虛無不實速消歸盡。

mục sĩ kiến chi quán thị tỉnh sát 。 tức tri phi hữu hư vô bất thật tốc tiêu quy tận 。
cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét, thì biết nóng bức này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tán một cách nhanh chóng .

所以者何。炎無強故。如是比丘。

sở dĩ giả hà 。 viêm vô cường cố 。 như thị Tỳ-kheo 。
Vì sao vậy ? Vì nóng bức này không kiên cố. Các Tỳ kheo à,

一切所想去來現在。內外麤細好醜遠近。

nhất thiết sở tưởng khứ lai hiện tại 。 nội ngoại thô tế hảo xú viễn cận 。
cũng như vậy các ý tưởng (8) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần,

比丘見是當熟省視觀。其不有虛無不實。但婬但結但瘡但偽。

Tỳ-kheo kiến thị đương thực tỉnh thị quán 。 kỳ bất hữu hư vô bất thật 。 dẫn dâm dẫn kết/kiết dẫn sang dẫn ngụy 。
các tỳ kheo nếu xem xét và suy nghĩ kỹ càng thì sẽ thấy ý tưởng của chúng ta không hằng hữu, là hư vô và không thực, là dâm ô , là kẻ, là sang, là giả tạo

非真非常為苦為空為非身為消盡。

phi chân phi thường vi/vi/vị khổ vi/vi/vị không vi/vi/vị phi thân vi/vi/vị tiêu tận 。
nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng,

所以者何。想之性無有強。

sở dĩ giả hà 。 tưởng chi tánh vô hữu cường 。
vì sao vậy ? Vì cái bản tính của ý tưởng là không bền vững.

譬如比丘人求良材擔斧入林。

thí như Tỳ-kheo nhân cầu lương tài đam/đảm phủ nhập lâm 。
Các Tỳ khoe, lại như một người vào rừng tìm gỗ tốt

見大芭蕉鴻直不曲。因斷其本斬其末劈其葉。

kiến Đại ba tiêu hồng trực bất khúc 。 nhân đoạn kỳ bốn trăm kỳ mật phách kỳ diệp 。
thấy một cây chuối to đẹp thật thẳng , bèn đốn cây xuống, cắt ngọn và lá đi

理分分(利-禾+皮)而解之。中了無心何有牢固。

lý phân phân (lợi -hòa +bì)nhi giải chi 。 trung liễu vô tâm hà hữu lao cố 。
bóc từng lớp lớp vỏ đi để tìm gỗ tốt, nhưng tìm không thấy cái lõi cứng chắc của cây dâu cà,

目士見之觀視省察。即知非有虛無不實速消歸盡。

mục sĩ kiến chi quán thị tỉnh sát 。 tức tri phi hữu hư vô bất thật tốc tiêu quy tận

。 cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét, thì biết cây chuối này là không hằng hữu, là hư vô, là không thật và tiêu tán một cách nhanh chóng .

所以者何。彼芭蕉無強故。

sở dĩ giả hà 。 bỉ ba tiêu vô cường cố 。

Vì sao vậy ? Vì cây chuối không có gì bền vững cả.

如是比丘一切所行去來現在。內外麤細好醜遠近。

như thị Tỳ-kheo nhất thiết sở hạnh/hành/hàng khứ lai hiện tại 。 nội ngoại thô tế hảo xú viễn cận 。

Các tỳ kheo à, cũng như vậy tất cả các hành động (9)của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần,

比丘見此當熟省視知。其不有虛無不實。

Tỳ-kheo kiến thử đương thực tỉnh thị tri 。

kỳ bất hữu hư vô bất thật 。

các tỳ kheo nếu xem xét và suy nghĩ kỹ càng thì sẽ thấy hành động của chúng ta không hằng hữu, là hư vô và không thực,

但婬但結但瘡但偽。非真非常為苦為空為非身為消盡。

đần dâm đần kết/kiết đần sang đần ngục 。 phi chân phi thường vi/vì/vị khổ vi/vì/vị không vi/vì/vị phi thân vi/vì/vị tiêu tận 。

là dâm ô , là kết, là sang, là giả tạo. Nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng,

所以者何。行之性無有強。

sở dĩ giả hà 。 hạnh/hành/hàng chi tánh vô hữu cường 。

Vì sao vậy ? Vì cái bản tính của hành động (9) là không bền vững.

譬如比丘幻師與幻弟子於四衢道大人眾

thí như Tỳ-kheo huyễn sư dữ huyễn đệ tử ư tứ cù đạo đại nhân chúng

Các tỳ-kheo, Lại như một thầy làm ảo thuật và những đệ tử ở một ngã tư đường biểu diễn ảo thuật cho công chúng xem,

中。現若干幻化作群象群馬車乘步從。

trung 。 hiện nhược can huyễn hóa tác quần tượng quần mã xa thừa bộ tòng 。
làm nhiều màn ảo thuật nào là đàn voi đi, đàn ngựa chạy.

目士見之觀視省察。

mục sĩ kiến chi quán thị tỉnh sát 。

Cho một người có một cặp mắt quan sát, suy xét,

即知不有虛無不實無形化盡。所以者何。幻無強故。如是比丘。

tức tri bất hữu hư vô bất thật vô hình hóa tận 。

sở dĩ giả hà 。

一切所識去來現在。內外龜細好醜遠近。

nhất thiết sở thức khứ lai hiện tại 。

nội ngoại thô tế hảo xú viễn cận 。

tất cả các tâm thức (10) của chúng ta trong quá khứ, tương lai và hiện tại, ở trong hay ở ngoài, to hay nhỏ, tốt hay xấu, xa hay gần,

比丘見此當熟省視觀。其不有虛無不實。

Tỳ-kheo kiến thử đương thực tỉnh thị quán 。

kỳ bất hữu hư vô bất thật 。

nếu các tỳ kheo xem xét và suy nghĩ kỹ càng thì sẽ thấy tâm thức này không hằng hữu, là hư vô và không thực,

但婬但結但瘡但偽。

đãn dâm đãn kết/kiết đãn sang đãn nguy 。

là dâm ô , là kết, là sang, là giả tạo.

非真非常為苦為空為非身為消盡。所以者何。識之性無有強。

phi chân phi thường vi/vi/vị khổ vi/vi/vị không vi/vi/vị phi thân vi/vi/vị tiêu tận 。

sở dĩ giả hà 。

thức chi tánh vô hữu cường 。

Nó không thật, không thường, nó là khổ não, là hư không, là phi thân, nó tiêu tán một cách nhanh chóng . Vì sao vậy ? Vì bản tính của tâm thức là không bền vững.

於是佛說偈言。

ư thị Phật thuyết kệ ngôn 。

Sau đó Đức Phật nói bài kệ (11)dưới đây :

沫聚喻於色 痛如水中泡

mạt tụ dụ ư sắc thống như thủy trung phao

Sắc như bọt nước tán tụ , thống khổ sinh diệt như bong bóng nước ,

Sắc như bọt nước hợp tan , thống như bong bóng nước tàn lại sinh ,

想譬熱時炎 行為若芭蕉
tưởng thí nhiệt thời viêm hạnh/hành/hàng vi/vì/vị nhược/nhã ba tiêu
ý tưởng như cái nóng của mùa hè, hành động trống bọng như thân cây chuối
ý như hè nóng vô hình, hành như cây chuối thân mình trống không,

夫幻喻如識 諸佛說若此
phu huyền dụ như thức chư Phật thuyết nhược/nhã thử
ý thức như những ảo thuật, chư Phật nói như vậy,
thức là ảo thuật hư không, Chư Phật nói vậy sai không tí gì.

當為觀是要 熟省而思惟
đương vi/vì/vị quán thị yếu thực tỉnh nhi tư tánh
Hãy xem xét , tư duy một cách kỹ càng những yếu chỉ này
Hãy đem tâm chỉ này suy, trầm tư mặc tưởng tư duy cho tường.

空虛之為審 不覩其有常
không hư chi vi/vì/vị thẩm bất đồ kỳ hữu thường
Quả thật tất cả là hư không , thấy mọi điều đều vô thường cả ,
Quả thật vạn sự vô thường, hư không bản tính có chừa gì đâu,

欲見陰當爾 真智說皆然
dục kiến uẩn đương nhĩ chân trí thuyết giai nhiên
tất cả các uẩn là như vậy. Những bậc đại trí nói như rằng :
ngũ âm không, có, một màu. Những người chân trí từ lâu nói rằng :

三事斷絕時 知身無所直
tam sự đoạn tuyệt thời tri thân vô sở trực
Khi ta đã đoạn tuyệt được với tam sự (12) , thì biết cái thân này không có giá trị gì cả,
Bỏ đi tam sự thấy ngay, thân tàn nằm đó đấng chẳng một hào

命氣溫燻識 捨身而轉逝
mạng khí ôn hủn thức xả thân nhi chuyển thế
thân mệnh này đang ấm áp đây, khoảnh khắc chết đi bỏ lại thân xác này,
Đang đây sức sống chan hòa, chỉ trong giây phút đã vào thiên thu

當其死臥地 猶草無所知
đương kỳ tử ngọa địa do thảo vô sở tri
thân xác này nằm ở dưới đất, như cỏ cây còn biết gì đâu,
xác khô dưới đất nằm mò, vô tri vô giác cỏ khô cây tàn,

觀其狀如是 但幻而愚貪

quán kỳ trạng như thị đãn huyễn nhi ngu tham
xem hình hài như vậy, còn mang những ảo vọng về tham lam ngu si gì nữa ?
Ngắm nhìn thân xác phủ phàn, Còn mang ảo mộng si tham làm gì?

心心為無安 亦無有牢強

tâm tâm vi/vi/vi vô an diệc vô hữu lao cường
để làm lòng ta áy náy bất an, tất cả đâu có gì là bền vững đâu ?
Tâm hồn an lạc mất đi. Đời này đâu có cái gì bền đâu ?

知五陰如此 比丘宜精勤

tri ngũ uẩn như thử Tỳ-kheo nghi tinh cần
biết ngũ uẩn là như vậy. chư tỳ kheo hãy chuyên cần
Ngũ uẩn hư ảo từ lâu, Thiền môn tứ chúng (21) hãy luôn chuyên cần

是以當晝夜 自覺念正智

thị dĩ đương trú dạ tự giác niệm chánh trí
nên ngày đêm tự giác (13) suy niệm nhưng chánh trí
Ngày đêm suy niệm tâm thân, Tự giác chánh trí luôn gần tâm can

受行寂滅道 行除最安樂

thọ/thụ hạnh/hành/hàng tịch diệt đạo hạnh/hành/hàng trừ tối an lạc
thọ hành đạo tịch diệt(14), theo đuổi cái niềm tối an lạc
Thọ hành đại đạo Nê hoàn(14). Vui niềm an lạc hân hoan cõi thiền.

佛說如是比丘聞皆歡喜。

Phật thuyết như thị Tỳ-kheo văn giai hoan hỷ 。
Đức Phật giảng như vậy , các tỳ khoe nghe xong vô cùng hoan hỷ.

五陰譬喻經

ngũ uẩn Thí dụ kinh

ngũ uẩn Thí dụ kinh

B. S. Trần Văn Nghĩa dịch Việt văn.

Ngày 08/10/2011.

Blairsville, PA USA.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm Wed Oct 1 14:56:12 2008
